

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3105/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi.

2. Ông Nguyễn Văn Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 680/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4775/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5239/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Bích T.

Địa chỉ: Số 42 Đường số A1, tổ C, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đinh Chí T.

Địa chỉ: C1 Đường số X2, tổ B, khu phố M, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T, bị đơn ông Đinh Chí T cùng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T trình bày:

Bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 quyền số 01/2007 ngày 09/7/2007. Ngay sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống như vấn đề kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau.

Hiện nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông T, cuộc sống riêng của bà cũng ổn định, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung tên Đinh Ngọc T sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N sinh năm 2018. Bà yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Chí T trình bày:

Ông T xác nhận lời trình bày của bà T về thời điểm chung sống và kết hôn, quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Đến thời điểm hiện tại, giữa ông T và bà T có nhiều vấn đề mâu thuẫn không giải quyết được do quan điểm khác nhau, có một vài lần do nóng giận không kiềm chế được nên ông đã đánh bà T. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, tuy nhiên ông T còn thương con vì vậy ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Trong quá trình chung sống ông và bà T có 02 con chung tên Đinh Ngọc T sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N sinh năm 2018. Ông T đồng ý giao các con chung cho bà T nuôi do các con từ trước đến nay ở với mẹ. Việc cấp dưỡng nuôi con ông T không có ý kiến gì, ông sẽ chu cấp cho các con theo khả năng tài chính của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Đinh Ngọc T trình bày cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Bà T được ly hôn với ông T. Giao con chung tên Đinh Ngọc T sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N sinh năm 2018 cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản

chung và nợ chung bà T và ông T xác định không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn với ông Đinh Chí T, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T xin ly hôn với ông Đinh Chí T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Ngọc T sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N sinh năm 2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà T và ông T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2007 ngày 09/7/2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào lời khai tại bản tự khai, lời trình bày trong các biên bản và tại phiên tòa hôm nay của bà T, ông T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định giữa bà T, ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2011, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, trong đó có vấn đề quan điểm sống, về kinh tế gia đình, mặt khác cũng không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau giữa vợ chồng. Bà T và ông T không thể cảm thông, chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Sự việc kéo dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T và ông T cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn không hàn gắn được.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã giải thích, động viên bà T bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nuôi dạy con chung nhưng bà T không đồng ý quay về đoàn tụ mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Phía ông T không đồng ý ly hôn với bà T và lý do ông đưa ra là ông còn thương vợ các con nên không muốn ly hôn.

Nguyên vọng đoàn tụ của ông T là chính đáng, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, cùng nhau xây dựng hạnh phúc, yêu thương, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, giữa ông T, bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 cho đến nay vẫn chưa tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân nặng nề, giữa bà T và ông T không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, cả bà T và ông T đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T là trầm trọng, tình cảm yêu thương lẫn nhau giữa vợ và chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và căn cứ Giấy khai sinh, Trích lục khai sinh có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các cháu Đinh Ngọc T, sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N, sinh năm 2018 là con chung của bà T và ông T.

Bà T và ông T cùng thống nhất giao cả hai con chung cho bà T nuôi, cháu Tuyết cũng trình bày muốn ở với mẹ, hiện nay cả hai cháu cũng đang ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao các trẻ Đinh Ngọc T, sinh năm 2008 và Đinh Ngọc N, sinh năm 2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông T cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên xem xét chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về quyền kháng cáo: Bà T, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Bích T ly hôn với ông Đinh Chí T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Bích T và ông Đinh Chí T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/7/2007 chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Đinh Ngọc T, sinh ngày 18/12/2008 và Đinh Ngọc N, sinh ngày 23/8/2018 cho bà Hồ Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Bích T và ông Đinh Chí T cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà Hồ Thị Bích T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0025904 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 22/3/2022. Bà T đã nộp đủ án phí, ông T không phải nộp án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Hồ Thị Bích T, ông Đinh Chí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực